

Số: 66/2020/QĐST-HNGĐ

Y, ngày 08 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 50/2020/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị T, sinh năm: 2001; Địa chỉ: Bản T, xã T, huyện Y, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Anh Vi Văn D, sinh năm: 1993; Địa chỉ: Bản C, xã T, huyện Yên Y, tỉnh Sơn La.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị M, sinh năm 1965; Địa chỉ: Bản T, xã T, huyện Y, tỉnh Sơn La.

- La Văn T, sinh năm 1981; Địa chỉ: Bản T, xã T, huyện Y, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 37, 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và biên bản hòa giải thành ngày 31 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lò Thị T và anh Vì Văn D.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị T và anh D tự nguyện thỏa thuận thống nhất giao Vì Thị Trà M, sinh năm 2019 cho anh Vì Văn D trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành 18 tuổi, anh D chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh D và chị T tự thỏa thuận thống nhất giao cho chị Lò Thị T có trách nhiệm trả số nợ cho ông La Văn T 689.000đ (Sáu trăm tám mươi chín nghìn đồng); cho bà Lê Thị M 1.300.000đ (Một triệu ba trăm nghìn đồng).

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015”.

- Về án phí: Chị Lò Thị T nhận chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí nghĩa vụ trả nợ chung, tổng cộng là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số: AA/2016/0004831 ngày 12 tháng 5 năm 2020 Của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Sơn La.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục thi hành án huyện;
- Đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Hoàng Văn Bình

